

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH CTUT KHÓA 36, NĂM 2025

Ngày kiểm tra: 27 tháng 7 năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTCN ngày / /2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	T36001	Trần Trọng	Ái	20/12/2003	Cà Mau	150	335	485	Không đạt	
2	T36002	Lê Duy	Anh	16/09/2000	Cần Thơ	395	235	630	Đạt	
3	T36003	Mạch Gia	Bảo	07/04/2000	Cần Thơ	385	370	755	Đạt	
4	T36004	Nguyễn Hùng	Dũng	26/06/2003	Cần Thơ	380	270	650	Đạt	
5	T36005	Nguyễn Khánh	Duy	08/07/1999	Trà Vinh	485	440	925	Đạt	
6	T36006	Phạm Thành	Duy	28/12/2003	Cần Thơ	205	290	495	Không đạt	
7	T36007	Nguyễn Lê Anh	Khoa	12/03/2003	Bạc Liêu	245	320	565	Đạt	
8	T36008	Nguyễn Duy	Linh	21/10/2003	Đồng Tháp	305	190	495	Không đạt	
9	T36009	Trần Như	Mỹ	28/02/2001	Bạc Liêu	375	225	600	Đạt	
10	T36010	Lê Thành	Nguyên	05/02/1999	Sóc Trăng	385	295	680	Đạt	
11	T36011	Nguyễn Đặng Bảo	Nguyên	18/07/2003	Đồng Tháp	160	160	320	Không đạt	
12	T36012	Nguyễn Trọng	Nhân	09/07/2003	An Giang	250	195	445	Không đạt	
13	T36013	Trần Hoàng	Phúc	03/12/2002	Hậu Giang	195	150	345	Không đạt	
14	T36014	Trần Thanh	Sang	31/10/2002	Bạc Liêu	0	0	0	Không đạt	Vắng
15	T36015	Nguyễn Thanh	Tân	10/09/2003	Cần Thơ	315	355	670	Đạt	
16	T36016	Lưu Đặc	Thành	01/09/2002	Kiên Giang	340	230	570	Đạt	
17	T36017	Trần Thuận	Thành	25/09/2002	Cần Thơ	175	220	395	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
18	T36018	Trương Gia	Thịnh	29/07/2003	Cần Thơ	405	215	620	Không đạt	
19	T36019	Đỗ Thị Thanh	Thúy	07/09/2003	Cần Thơ	360	330	690	Đạt	
20	T36020	Nguyễn Thị Mỹ	Trân	09/12/2003	An Giang	305	380	685	Đạt	
21	T36021	Lê Thị Lan	Anh	17/11/2003	Bạc Liêu	440	410	850	Đạt	
22	T36022	Nguyễn Hoàng	Anh	08/11/2003	Sóc Trăng	445	425	870	Đạt	
23	T36023	Đinh Ngọc	Ánh	19/08/2004	Cà Mau	420	455	875	Đạt	
24	T36024	Lê Gia	Bảo	20/01/2004	Bạc Liêu	435	475	910	Đạt	
25	T36025	Nguyễn Gia	Bảo	13/10/2002	Cần Thơ	440	460	900	Đạt	
26	T36026	Trần Gia	Bảo	04/05/2003	Cà Mau	475	485	960	Đạt	
27	T36027	Nguyễn Bội	Bân	23/07/2004	An Giang	435	395	830	Đạt	
28	T36028	Nguyễn Như	Bình	06/08/2003	Cà Mau	385	310	695	Đạt	
29	T36029	Trần Văn	Dũng	30/06/2004	Cần Thơ	315	235	550	Đạt	
30	T36030	Cao Tấn	Duy	18/04/2003	Hậu Giang	350	270	620	Đạt	
31	T36031	Đặng Khánh	Duy	08/01/2002	Cà Mau	405	290	695	Đạt	
32	T36032	Mã Thanh	Duy	15/10/2000	Sóc Trăng	415	470	885	Đạt	
33	T36033	Nguyễn Tấn	Đạt	28/02/2003	An Giang	415	430	845	Đạt	
34	T36034	Phạm Chí	Đạt	28/09/2004	Vĩnh Long	260	205	465	Không đạt	
35	T36035	Từ Tâm	Đoan	29/03/2004	Sóc Trăng	365	310	675	Đạt	
36	T36036	Lương Thị Diệu	Hiền	24/11/2004	Cần Thơ	265	280	545	Đạt	
37	T36037	Võ Phan Thương	Hoài	16/11/2003	Cần Thơ	395	305	700	Đạt	
38	T36038	Dương Gia	Huy	20/01/2003	Cần Thơ	340	435	775	Đạt	
39	T36039	Lê Vũ	Huy	21/02/2004	Sóc Trăng	135	395	530	Không đạt	
40	T36040	Nguyễn Thanh	Huy	29/09/2002	Cần Thơ	290	340	630	Đạt	
41	T36041	Trương Đặng Đình	Kiệt	16/07/2003	Bạc Liêu	310	325	635	Đạt	
42	T36042	Trần Duy	Khánh	19/02/2003	Hậu Giang	310	330	640	Đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
43	T36043	Trương Yến	Linh	25/11/2003	Cần Thơ	340	380	720	Đạt	
44	T36044	Lư Tuyết	Loan	29/12/2003	Cần Thơ	490	500	990	Đạt	
45	T36045	Trang Xuân	Lộc	26/05/1999	Cần Thơ	315	420	735	Đạt	
46	T36046	Lê Văn	Lý	29/07/2004	Đồng Tháp	140	140	280	Không đạt	
47	T36047	Trần Thanh	Mừng	10/04/2003	Hậu Giang	180	180	360	Không đạt	
48	T36048	Phan Thế	Nam	03/01/2000	Cần Thơ	345	395	740	Đạt	
49	T36049	Huỳnh Thị Kim	Ngà	13/09/2004	Cần Thơ	500	285	785	Đạt	
50	T36050	Huỳnh Thanh	Ngân	30/03/2002	Sóc Trăng	440	495	935	Đạt	
51	T36051	Tân Lê Thảo	Ngân	13/03/2001	Cần Thơ	370	330	700	Đạt	
52	T36052	Lê Minh	Nghĩa	06/07/2003	Cần Thơ	325	330	655	Đạt	
53	T36053	Đặng Hữu	Nghiêm	19/11/2002	Cần Thơ	360	375	735	Đạt	
54	T36054	Lê Như	Ngọc	30/10/2004	Cần Thơ	430	500	930	Đạt	
55	T36055	Nguyễn Bảo	Ngọc	06/01/2003	Cần Thơ	135	150	285	Không đạt	
56	T36056	Trần Thị Ý	Nhi	07/06/2004	Cần Thơ	170	310	480	Không đạt	
57	T36057	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	10/09/2002	Cần Thơ	245	345	590	Đạt	
58	T36058	Trần Thị Huỳnh	Như	20/06/2004	Cần Thơ	325	320	645	Đạt	
59	T36059	Trần Thị Thùy	Oanh	17/05/2004	Cần Thơ	355	340	695	Đạt	
60	T36060	Trương Kiều	Oanh	30/04/2001	Cần Thơ	360	415	775	Đạt	
61	T36061	Dương Tấn	Phát	31/01/2003	Tiền Giang	215	290	505	Không đạt	
62	T36062	Trần Minh	Phi	17/11/2002	Bạc Liêu	280	255	535	Đạt	
63	T36063	Võ Thành	Phú	05/09/2004	Hậu Giang	215	320	535	Không đạt	
64	T36064	Nguyễn Gia	Phúc	05/11/2002	Cà Mau	0	0	465	Không đạt	Đình chỉ
65	T36065	Bùi Hoàng	Phúc	05/01/2003	Sóc Trăng	315	400	715	Đạt	
66	T36066	Ngô Minh	Phương	05/10/2003	Cần Thơ	315	390	705	Đạt	
67	T36067	Phạm Việt	Phường	14/03/2003	Cần Thơ	405	425	830	Đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
68	T36068	Nguyễn Minh	Quân	16/12/2001	Đồng Tháp	395	455	850	Đạt	
69	T36069	Nguyễn Thành	Quý	17/01/2001	Cần Thơ	325	330	655	Đạt	
70	T36070	Ung Thị Thuý	Quyên	12/01/2003	Sóc Trăng	365	385	750	Đạt	
71	T36071	Trần Phúc	Sang	17/04/2004	Sóc Trăng	405	455	860	Đạt	
72	T36072	Nguyễn Quốc	Sĩ	08/07/2001	Cần Thơ	385	365	750	Đạt	
73	T36073	Võ Hoàng	Sỹ	23/07/2002	Sóc Trăng	260	340	600	Đạt	
74	T36074	Đỗ Minh	Tâm	09/01/2004	Đồng Tháp	270	340	610	Đạt	
75	T36075	Hồ Minh	Tiến	24/04/2004	Cần Thơ	270	295	565	Đạt	
76	T36076	Nguyễn Nhật	Tiến	07/10/2004	Cần Thơ	360	375	735	Đạt	
77	T36077	Dương Trung	Tín	12/03/2002	Cà Mau	320	225	545	Đạt	
78	T36078	Nguyễn Chí	Thạch	08/11/2002	Đồng Tháp	340	320	660	Đạt	
79	T36079	Nguyễn Bảo	Thái	26/07/2004	An Giang	370	380	750	Đạt	
80	T36080	Võ Duy	Thái	08/07/2003	Hậu Giang	345	290	635	Đạt	
81	T36081	Nguyễn Duy	Thanh	26/07/2002	Cà Mau	320	375	695	Đạt	
82	T36082	Huỳnh Hữu	Thành	27/02/2004	Kiên Giang	130	200	330	Không đạt	
83	T36083	Nguyễn Văn	Thành	09/01/2002	Vĩnh Long	360	475	835	Đạt	
84	T36084	Huỳnh Trúc	Thảo	25/07/2004	Sóc Trăng	490	500	990	Đạt	
85	T36085	Bùi Huỳnh Tấn	Thịnh	03/09/2002	An Giang	390	450	840	Đạt	
86	T36086	Lê Hưng	Thịnh	08/02/2003	Cần Thơ	265	315	580	Đạt	
87	T36087	Ngô Quang	Thoại	21/09/2002	An Giang	335	410	745	Đạt	
88	T36088	Huỳnh Cẩm	Thơ	12/10/2003	Hậu Giang	360	430	790	Đạt	
89	T36089	Lê Thị Huyền	Trân	09/09/2004	An Giang	200	325	525	Không đạt	
90	T36090	Trần Nguyễn Huyền	Trân	25/06/2003	Cần Thơ	340	335	675	Đạt	
91	T36091	Liêng Thắng	Trận	27/03/2002	Sóc Trăng	395	445	840	Đạt	
92	T36092	Trần Thị Kim	Uyên	02/01/2001	Ninh Thuận	325	350	675	Đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
93	T36093	Đoàn Hà	Vi	10/11/2001	Cần Thơ	310	365	675	Đạt	
94	T36094	Trần Thái	Vinh	30/10/2003	An Giang	350	375	725	Đạt	
95	T36095	Trần Nhục	Yên	02/01/2004	Bến Tre	350	280	630	Đạt	
96	T36096	Huỳnh Thụy Hoàng	Yến	14/02/2003	TP.Hồ Chí Minh	330	460	790	Đạt	
97	T36097	Lê Khả	Ái	03/03/2002	Bạc Liêu	280	300	580	Đạt	
98	T36098	Lê Nguyễn Lan	Anh	23/03/2004	Vĩnh Long	320	300	620	Đạt	
99	T36099	Nguyễn Hoàng	Anh	27/11/2002	Cà Mau	225	270	495	Đạt	
100	T36100	Kim Minh	Châu	30/01/2000	Trà Vinh	430	320	750	Đạt	
101	T36101	Lê Tiên	Giang	06/03/2002	Sóc Trăng	240	205	445	Không đạt	
102	T36102	Trần Quốc	Huy	10/08/2001	Trà Vinh	400	0	400	Không đạt	Vắng
103	T36103	Nguyễn Mạnh	Huỳnh	15/03/2002	An Giang	335	405	740	Đạt	
104	T36104	Nguyễn Trọng	Hữu	03/03/2004	An Giang	305	270	575	Đạt	
105	T36105	Nguyễn Hữu	Kiện	11/05/2003	Trà Vinh	425	280	705	Đạt	
106	T36106	Lê Trung	Kiên	28/05/2003	Cần Thơ	290	265	555	Đạt	
107	T36107	Phạm Huỳnh Tuấn	Kiệt	06/09/2003	Long An	250	245	495	Đạt	
108	T36108	Trương Thiện	Lũy	10/03/2003	Kiên Giang	410	350	760	Đạt	
109	T36109	Hồ Thanh	Ngân	06/09/2000	Cần Thơ	390	400	790	Đạt	
110	T36110	Phạm Thảo	Ngân	08/03/2004	An Giang	305	275	580	Đạt	
111	T36111	Ngô Thị Diễm	Ngọc	07/02/2004	Sóc Trăng	285	285	570	Đạt	
112	T36112	Đinh Công	Nguyên	26/06/2003	Sóc Trăng	350	385	735	Đạt	
113	T36113	Nguyễn Tấn	Phát	25/09/2002	Cần Thơ	305	335	640	Đạt	
114	T36114	Võ Thành	Sử	26/10/2002	Cần Thơ	350	230	580	Đạt	
115	T36115	Đinh Nguyễn Ngọc	Tân	07/05/2002	Bến Tre	275	300	575	Đạt	
116	T36116	Nguyễn Văn	Tấn	21/04/2004	Cần Thơ	250	260	510	Đạt	
117	T36117	Thạch Thị Cẩm	Tiên	21/03/2003	Trà Vinh	330	310	640	Đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
118	T36118	Đinh Ngọc	Thắng	19/12/2004	Kiên Giang	255	255	510	Đạt	
119	T36119	Mai Bảo	Thi	22/10/2003	Cần Thơ	345	200	545	Không đạt	
120	T36120	Phan Thanh	Thuận	10/10/2004	Cần Thơ	305	295	600	Đạt	
121	T36121	Lâm Thanh	Trà	09/09/2002	Cà Mau	250	255	505	Đạt	
122	T36122	Phạm Văn	Vĩ	15/06/2001	An Giang	395	180	575	Không đạt	

Danh sách 122 thí sinh
Đạt 98 thí sinh
Không đạt 24 thí sinh

Cần Thơ, ngày tháng năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã